

Số/No.: 25.03.016.NCS.02.25.1	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày/Date: 06/03/2025 Trang/Page: 1/1
-------------------------------	---	--

- | | | |
|---|---|---|
| 1. Tên khách hàng
<i>Customer</i> | : | CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - CÔNG TY ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN
<i>BRANCH OF PETROVIETNAM GAS JOINT STOCK CORPORATION - NAM CON SON PIPELINE COMPANY (NCSP)</i> |
| 2. Địa chỉ
<i>Address</i> | : | Tỉnh lộ 44, Xã An Ngãi, Huyện Long Điền, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
<i>Provincial Road 44, An Ngai Commune, Long Dien District, Ba Ria - Vung Tau Province</i> |
| 3. Địa điểm lấy mẫu
<i>Sampling location</i> | : | Mẫu lấy tại vị trí cách điểm xả thải 200m, giao với Sông Cửa Lấp, có tọa độ: Lat: 10°27'02,2"N, Long: 107°12'37,0"E
<i>The sample was taken at a location 200m from the discharge point, intersecting with Cua Lap River, with coordinates: Lat: 10°27'02.2"N, Long: 107°12'37.0"E</i> |
| 4. Loại mẫu / <i>Sample type</i> | : | Mẫu nước mặt (W1) / <i>Surface water (W1) sample</i> |
| 5. Số lượng mẫu / <i>Quantity of samples</i> | : | 01 mẫu / <i>01 sample</i> |
| 6. Mô tả mẫu / <i>Sample description</i> | : | Mẫu đục có cặn / <i>Turbid sample has residue</i> |
| 7. Phương pháp phân tích / <i>Test method</i> | : | Xin vui lòng xem ở Bảng sau / <i>See in the Table</i> |
| 8. Ngày nhận mẫu / <i>Receiving date</i> | : | 27/02/2025 |
| 9. Ngày trả kết quả / <i>Reporting date</i> | : | 06/03/2025 |
| 10. Kết quả thử nghiệm / <i>Test results</i> | : | Xin vui lòng xem ở Bảng sau / <i>See in the Table</i> |

TT No.	Thông số Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả (W1) Result	Phương pháp phân tích Test method
1.	pH	-	7,67	SMEWW 4500H ⁺ :2023
2.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <i>Total Suspended Solids (TSS)</i>	mg/L	87	SMEWW 2540D:2023
3.	Tổng dầu mỡ khoáng <i>Total mineral Oil and Grease</i>	mg/L	KPH (MDL=0,3)	SMEWW 5520B&F:2023
4.	COD <i>Chemical Oxygen Demand</i>	mg/L	86	SMEWW 5220D:2023
5.	BOD ₅ <i>Biochemical Oxygen Demand</i>	mg/L	27	SMEWW 5210B:2023

Ghi chú / Notes: KPH: Không phát hiện / Not detected; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit; MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp / Method Quantification Limit.

**TRƯỞNG BỘ PHẬN
PHÒNG HOÁ HỌC MÔI TRƯỜNG
(MANAGER OF ENVIRONMENTAL CHEMISTRY UNIT)**



PHẠM THỊ TRANG VÂN

**PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN
AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG DẦU KHÍ
(DEPUTY DIRECTOR OF VPI-CPSE)**



BÙI HỒNG DIỄM